

V X, ngày 28 tháng 5 năm 2021

Số: 66/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa: Chị **Trần Thị M**, sinh ngày 21-9-1980; Số CMND 073030293, cấp ngày 12-7-2018, nơi cấp: Công an tỉnh H; Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn V, huyện V, tỉnh H và anh **Trần Nhật Th**, sinh ngày 29-5-1973; Số CMND 073203369, cấp ngày 27-9-2016, nơi cấp: Công an tỉnh H; Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn V, huyện V, tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 6 Điều 19; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị **Trần Thị M**, sinh ngày 21-9-1980; Số CMND 073030293, cấp ngày 12-7-2018, nơi cấp: Công an tỉnh H; Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn V, huyện V, tỉnh H và anh **Trần Nhật Th**, sinh ngày 29-5-1973; Số CMND 073203369, cấp ngày 27-9-2016, nơi cấp: Công an tỉnh H; Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn V, huyện V, tỉnh H

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị M và anh Trần Nhật Th thuận tình ly hôn

- **Về con chung:** Chị Trần Thị M và anh Trần Nhật Th tự thỏa thuận nhất trí:

Giao cháu Trần Nhật Quốc Kh - Sinh ngày: 02-9-2010 cho chị Trần Thị M, sinh ngày 21-9-1980; Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn V, huyện V, tỉnh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kh trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 19-5-2021.

Anh Trần Nhật Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền thăm nom con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản, công nợ chung:** Chị Trần Thị M và anh Trần Nhật Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Trần Thị M và anh Trần Nhật Th thỏa thuận nhất trí để chị Trần Thị M chịu 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ theo biên lai số 0002037 nộp ngày 19-5-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H. Trả lại cho chị Trần Thị M 150.000đ chênh lệch tạm ứng án phí.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- TAND tỉnh;
- UBND thị trấn V, huyện V, Tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lâm Anh Luyện**